

Số: /ĐA-UBND

Mường Mìn, ngày 11 tháng 6 năm 2026

## ĐỀ ÁN

### Sắp xếp bản thuộc xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa

Sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động (từ ngày 01/7/2025) đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, trong đó có việc sắp xếp các thôn, tổ dân phố trong tình hình mới. Từ thực tế đó và thực hiện các chỉ đạo, kết luận, quy định của Trung ương và của tỉnh; nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã Mường Mìn xây dựng Đề án sắp xếp các bản thuộc xã, cụ thể như sau:

#### I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

##### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27/6/2025;

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kết luận số 401-KL/TU ngày 09/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kết luận số 393-KL/TU ngày 04/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kết luận số 78-KL/ĐU ngày 11/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về việc thống nhất Đề án sắp xếp bản thuộc xã Mường Mìn.

## **2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết**

Xã Mường Mìn có diện tích tự nhiên 8.901 ha, dân số 2.986 người, 655 hộ; toàn xã hiện có 05 bản. Trong những năm qua, hoạt động của bản trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Cấp ủy đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của các bản cũng còn nhiều tồn tại, bất cập, quy mô bản nhỏ làm phát sinh tổ chức, tạo đầu mối, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể, khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều bản chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; toàn xã vẫn còn 05 bản có quy mô số hộ nhỏ hơn 350 hộ, chiếm 100%. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, số lượng bản của xã tăng lên; nhiều đầu mối, tạo áp lực đối với hoạt động chỉ đạo, quản lý của chính quyền địa phương cấp xã. Từ thực tế nói trên, việc sắp xếp các bản trên địa bàn xã Mường Mìn là phù hợp với thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã, tinh gọn bộ máy, giảm số lượng, đồng thời tạo sự gắn bó, củng cố sức mạnh, tăng cường đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội từ cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

## **II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **1. Về tổ chức và hoạt động của bản**

#### **1.1. Về số lượng bản:**

- Tổng số bản: 05 bản.
- Số đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 0 bản.
- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 05 bản.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).*

#### 1.2. Về tổ chức của các bản:

a) Tổ chức: Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể, Tổ an ninh trật tự.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở bản:

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).*

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự: Có 15 người (mỗi bản 03 người).

#### 1.3. Về hoạt động của bản:

Trong thời gian qua, các bản trên địa bàn xã đã duy trì tốt hoạt động của Ban quản lý bản, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bản cơ bản được giữ vững; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì và phát huy hiệu quả. Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tội phạm, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương.

### **III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC BẢN**

#### **1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp các bản**

1.1. Việc sắp xếp các bản phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để

xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức chi bộ, ban công tác mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở các bản bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp các bản ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở bản trong tổ chức thực hiện.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở bản là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

1.5. Việc đặt tên bản được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại bản; việc đổi tên bản thực hiện trong trường hợp trùng tên bản trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở các bản.

1.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

## **2. Tiêu chuẩn sắp xếp các bản**

2.1. Bản mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định; cụ thể: bản có từ 350 hộ trở lên.

Đối với bản thuộc địa bàn xã Mường Mìn thuộc miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có 5/5 bản đặc biệt khó khăn, ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; có bản ở địa bàn biên giới, bản nằm biệt lập phải qua sông vì vậy quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn tiêu chuẩn nêu trên; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định đối với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

2.2. Bản trên địa bàn xã phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2.3. Quy mô dân số, số hộ, diện tích tự nhiên phù hợp do đặc thù xã miền núi. Các khu dân cư có điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, sinh hoạt cộng đồng tương đồng; giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt về mùa mưa lũ.

### **3. Phương án tổng thể sắp xếp các bản**

3.1. Tổng số bản: 05 bản, trong đó:

a) Tổng số bản thực hiện sắp xếp: 02 bản, gồm:

- Các bản chưa đạt tiêu chuẩn: 02 bản.
- Bản đạt tiêu chuẩn: 0 bản

b) Số bản không thực hiện sắp xếp: 03 bản, gồm:

- Các bản chưa đạt tiêu chuẩn: 03 bản.
- Các bản đạt tiêu chuẩn: 0 bản.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp:

a) Phương án sắp xếp:

Thực hiện sắp xếp 02/02 bản thành 01 bản; đề nghị không thực hiện sắp xếp 03 bản; cụ thể:

(1) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của bản Chiềng và của bản Luốc Lầu thành bản mới có tên **gọi là Bản Chiềng**.

Sau khi sắp xếp, **bản Chiềng** có diện tích 2.561 ha, 271 hộ.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).*

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, xã Mường Mìn có 04 bản; trong đó có 01 bản mới hình thành sau sắp xếp (Bản Chiềng) và 03 bản không thực hiện sắp xếp là: Bản Bơn, Bản Mìn, Bản Yên; trong đó:

(1) Về quy mô số hộ:

- Số bản mới đạt tiêu chuẩn: 0.
- Số bản mới chưa đạt tiêu chuẩn: 04

(2) Về diện tích tự nhiên: Tất cả các bản có quy mô về diện tích từ 1.200 ha trở lên.

(3) Về tên gọi: 01 bản đặt tên gọi theo một trong các bản trước khi sắp xếp (Bản Chiềng).

#### **4. Giải trình đối với các bản chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp; các bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn; bản có quy mô số hộ, diện tích tự nhiên lớn**

##### 4.1. Các bản chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp:

Bản hiện chưa đạt tiêu chí nhưng có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán không thể thực hiện sắp xếp:

(1) Bản Yên; lý do: Địa hình đồi núi, nhiều khe, suối chia cắt với bản Mìn (bản liền kề), khoảng cách so với bản Mìn là 8 km; Là bản biên giới có đường biên tiếp giáp với nước CHDCND Lào; trên địa bàn bản có Đồn Biên phòng Mường Mìn; có vị trí quan trọng về đảm bảo an ninh, quốc phòng.

(2) Bản Bơn; lý do: Địa hình đồi núi, chia cắt với bản Luộc Lâu bởi sông Luông; khoảng cách so với bản liền kề là 3,8 km; Là bản có lịch sử hình thành từ lâu đời, nằm biệt lập so với các bản khác; chia cắt với trung tâm xã bởi Sông Luông.

(3) Bản Mìn; lý do: Địa bàn dân cư của bản trải rộng trên 03 cụm dân cư; Hiện nay xã đang thực hiện bố trí dân cư tại Khu tái định cư Pọm Dụng liền kề với bản Mìn (theo quyết định của dự án dự kiến bố trí 81 hộ dân); Sau khi bố trí dân cư tại khu Pọm Dụng sẽ ghép vào bản Mìn. Hiện trạng 03 cụm dân cư của bản Mìn nằm tách biệt, trong đó có 02 khu dân cư phải qua suối, thường ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ.

##### 4.2. Bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn:

Bản mới sau khi sắp xếp chưa đạt tiêu chí theo quy định:

(1) Bản Chiềng; lý do: Không có bản liền kề thuận lợi để thực hiện sắp xếp; sau khi nhập nguyên trạng 02 bản để thành lập bản Chiềng (mới) địa bàn trải rộng (diện tích 2.561,3 ha); nếu tiếp tục sắp xếp sẽ ảnh hưởng đến việc tự quản của các bản.

4.3. Các bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn; bản có quy mô diện tích tự nhiên lớn:

*(Chi tiết tại Phụ lục 04, 05 kèm theo).*

#### **5. Đánh giá tác động của việc sắp xếp bản**

5.1. Ưu điểm: Sắp xếp bản trên địa bàn xã Mường Mìn để thành lập các bản có quy mô lớn, tạo ra nguồn lực mạnh từ cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của các bản, hoạt động của chi bộ và tổ chức chính trị - xã hội; việc giảm hơn 20% số bản sẽ làm giảm số lượng những người hoạt động không chuyên

trách, sẽ giảm 03 người hoạt động không chuyên trách; mỗi năm giảm một phần từ ngân sách chi cho các bản (khoảng 0,3 tỷ đồng); là cơ sở để từng bước nâng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản trong thời gian tới; góp phần tinh gọn đầu mối, tinh giản số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, giảm tải áp lực, góp phần bảo đảm yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân tại địa bàn cơ sở.

5.2. Hạn chế: Sắp xếp sẽ làm tăng quy mô số hộ của bản mới thành lập; một số bản có thể dôi dư nhà văn hóa - khu thể thao trong trường hợp các thôn, tổ dân phố trước khi sáp nhập đều đã xây dựng xong hoặc nếu phải sử dụng lại để phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thì có thể dẫn đến quá tải; nhiệm vụ của bí thư chi bộ, trưởng bản và người hoạt động không chuyên trách khác cũng nặng nề hơn; việc thôi đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách do sáp nhập ít nhiều ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng cá nhân.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Về công tác thông tin tuyên truyền**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân để tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, hành động trong toàn Đảng, hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân về triển khai thực hiện sắp xếp các bản trên địa bàn xã; các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan chức năng xây dựng nội dung, chương trình, hình thức tuyên truyền phù hợp, trọng tâm về công tác sắp xếp các bản và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách gắn với xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các cơ quan, đơn vị tuyên truyền những nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện về sắp xếp bản; quản lý chặt chẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp các bản.

##### **2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ, đề án**

###### **2.1. Xây dựng đề án:**

Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND cấp xã xây dựng đề án sắp xếp các bản của xã; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất **ngày 10/6/2026**.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân:

UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với nội dung sắp xếp bản; hình thức lấy ý kiến Nhân dân: Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân; tổng hợp, hoàn chỉnh đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất **ngày 20/6/2026**.

2.3. UBND xã trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp bản thuộc xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất **ngày 25/6/2026**.

### **3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở bản**

3.1. Về chức danh, số lượng:

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản gồm: Trưởng bản; Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban Công tác Mặt trận. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi bản không quá 03 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Kiện toàn, sắp xếp lại theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư (do HĐND tỉnh quyết định).

c) Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- Phó Trưởng bản.
- Bản đội trưởng.
- Bí thư Chi đoàn Thanh niên.
- Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ.
- Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.
- Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

d) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

3.2. Về tiêu chuẩn:

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác mặt trận; Bản đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ nữ,

Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP1.

c) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

d) Đối với chức danh Phó Trưởng bản: Thực hiện theo tiêu chuẩn của UBND tỉnh quy định.

đ) Đối với các chức danh khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

đ) Về số lượng: Theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

### 3.3. Về chế độ, chính sách:

a) Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách: Thực hiện bằng mức ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để chi phụ cấp hằng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP2; chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

b) Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo quy định được HĐND tỉnh phê duyệt trên cơ sở ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo hướng dẫn của tỉnh; ngân sách tỉnh bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố:

a) Đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng Ban công tác mặt trận; Bản đội trưởng; Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng bản: Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, UBND xã chỉ định Trưởng bản lâm thời để điều hành hoạt động của

bản mới cho đến khi bầu được Trưởng bản. Thời gian chỉ định Trưởng bản lâm thời không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định.

c) Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên: Kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng này theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

d) Đối với Phó Trưởng bản: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố do UBND tỉnh ban hành.

đ) Về định hướng nhiệm kỳ của Trưởng bản: Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn có liên quan.

e) Đối với tổ chức Chi hội khác như: Người cao tuổi, Khuyến học...: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

#### **4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập bản**

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở các bản theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

#### **5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của bản**

Hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao, thiết chế văn hóa, tài sản công của các bản trước khi sắp xếp:

Nhà văn hóa, khu thể thao Bản Chiềng; sau khi sắp xếp tiếp tục bố trí sử dụng là nơi sinh hoạt cụm dân cư thuộc bản Chiềng (hiện tại).

Nhà văn hóa, khu thể thao Bản Luốc Lầu; sau khi sắp xếp tiếp tục bố trí sử dụng; trước mắt là nơi sinh hoạt chung của bản Chiềng (sau khi sắp xếp).

Để đảm bảo cho việc sinh hoạt cộng đồng của Bản Chiềng sau khi sắp xếp, UBND xã quy hoạch, đề xuất đầu tư xây dựng mới Nhà văn hóa bản, vị trí khu đất thuộc bản Luốc Lầu (hiện nay); diện tích dự kiến 15.000 m<sup>2</sup>, kinh phí dự kiến khoảng 8 tỷ đồng.

#### **6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức**

UBND cấp xã chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại cấp xã.

## V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Kiến nghị và đề xuất

#### 1.1. Đối với Tỉnh

- Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Phương án sắp xếp bản, nhất là về trình tự, thủ tục và hồ sơ theo quy định.
- Xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác sắp xếp bản; tổ chức hội nghị cử tri; kiện toàn tổ chức và xử lý cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp.
- Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư sau sắp xếp theo đúng quy định hiện hành.
- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới nhà văn hóa, khu thể thao bản Chiềng (sau khi sắp xếp).

#### 1.2. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp xã

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự đồng thuận trong Nhân dân đối với việc thực hiện Phương án sắp xếp bản.
- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
- Làm tốt công tác ổn định tổ chức bộ máy, tư tưởng đội ngũ cán bộ, người hoạt động ở thôn sau sắp xếp; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong cộng đồng dân cư

### 2. Tổ chức thực hiện

#### 2.1. Phòng Văn hoá – Xã hội

- Chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp các bản trên địa bàn xã; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã.
- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã và các bản tổ chức hội nghị cử tri để lấy ý kiến Nhân dân về phương án sắp xếp bản.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND xã kiện toàn tổ chức và đội ngũ người hoạt động ở các bản sau sắp xếp theo quy định và thẩm quyền; bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu lực, hiệu quả.
- Hướng dẫn các thôn thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị phục vụ hoạt động của thôn sau khi thực hiện sắp xếp thôn.

#### 2.2. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các bản rà soát, thống kê, bàn giao, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các công trình công cộng của bản sau sắp xếp theo quy định.

- Tham mưu UBND xã bố trí, bảo đảm kinh phí phục vụ việc triển khai thực hiện Đề án và kinh phí hoạt động thường xuyên của các bản sau sắp xếp theo quy định hiện hành.

- Phối hợp rà soát, đánh giá hiện trạng nhà văn hóa tại các bản; tham mưu phương án bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả nhà văn hóa và tài sản công sau sắp xếp, tránh lãng phí.

### **2.3. Văn phòng HĐND và UBND xã**

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã bố trí, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản của các bản theo quy định.

- Chủ trì kiểm tra, thẩm định, tham gia ý kiến đối với các văn bản liên quan đến việc sắp xếp bản, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, bảo đảm tiến độ triển khai thực hiện việc sắp xếp bản.

### **2.4. Công an xã**

- Bảo đảm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; nắm bắt tình hình dư luận trong Nhân dân liên quan đến việc sắp xếp bản trên địa bàn xã.

- Tham mưu, đề xuất kiện toàn Tổ an ninh trật tự, tổ dân phòng ở bản sau khi sắp xếp.

### **2.5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức CT-XH**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, thống nhất thực hiện chủ trương sắp xếp bản.

- Phối hợp nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn việc kiện toàn tổ chức đoàn thể tại các bản mới sau sắp xếp.

### **2.6. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã**

Tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và sự cần thiết của việc sắp xếp bản nhằm tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

## **2.7. Các Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Trưởng bản và các tổ chức đoàn thể ở bản**

- Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương sắp xếp thôn trên địa bàn xã.
- Thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung có liên quan khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập bản.
- Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong Nhân dân; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các hộ dân trên địa bàn bản hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc sắp xếp thôn.
- Tổ chức triển khai việc lấy ý kiến cử tri bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về cơ quan có thẩm quyền.

## **2.8. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Đề án sắp xếp bản thuộc xã Mường Mìn tỉnh Thanh Hóa./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ(b/c);
- Thường trực Đảng ủy(b/c);
- Thường trực HĐND xã(b/c);
- Ban thường trực UBMTTQ, các đoàn thể xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Côn an xã; BCH quân sự xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Các cơ quan trên địa bàn xã;
- Các bản thuộc xã;
- Trang Thông tin điện tử xã(để đăng tải);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Ngân Văn Hanh**

**Phụ lục số 01: Thống kê thực trạng các bản của xã Mường Mìn**

TT	Bản	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Số người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản	Chi bộ đảng	Ban Công tác Mặt trận	Đoàn viên thanh niên	Hội viên cựu chiến binh	Hội viên nông dân	Hội viên phụ nữ	Nhà văn hóa thôn	Khu thể thao bản
	<b>Tổng cộng</b>	<b>655</b>	<b>2986</b>	<b>8.901</b>	<b>10</b>	<b>152</b>	<b>35</b>	<b>262</b>	<b>140</b>	<b>614</b>	<b>610</b>	<b>05</b>	
1	Bản Chiềng	91	393	774	2	27	7	42	18	86	80	01	Năm trong khuôn viên nhà văn hóa
2	Bản Luốc Lầu	180	777	1.786	2	30	7	73	23	152	129	01	
3	Bản Mìn	121	571	2.875	2	35	7	62	43	122	138	01	
4	Bản Bơn	120	559	1.262	2	32	7	45	29	113	103	01	
5	Bản Yên	143	686	2.300	2	28	7	40	27	141	160	01	

**Phụ lục số 02: Thống kê số lượng người hoạt động không chuyên trách  
và người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản của xã Mường Mìn**

TT	Chức danh	Số lượng	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi			
					Văn hóa			Chuyên môn			Lý luận chính trị			Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
					Tiểu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25</b>	<b>20</b>	<b>25</b>		<b>3</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>13</b>	<b>2</b>					
a	Người hoạt động không chuyên trách													17	8		
1	Bí thư Chi bộ	5	5	5			5	5			5			2	3	0	0
2	Trưởng bản	0	0	0			0	0			0			0	0	0	0
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	5	5	5			5	2	1	2	5	2		2	3	0	0
b	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản																
1	Bản đội trưởng	0	0	0													
2	Cô đỡ thôn, bản	0	0	0													
c	Tổ bảo vệ an ninh trật tự	15	9	15		3	12	15		0	15			7	8	0	0

## Phụ lục số 03: Tổng hợp phương án sắp xếp bản của xã Mường Mìn

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các bản có tên, số hộ và diện tích dưới đây						Để thành bản mới			Bản mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên bản	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên bản	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Xây mới	
											Diện tích (m <sup>2</sup> )	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
1	Bản Chiềng	91	774,696	Bản Luốc Lầu	180	1.786,600	Bản Chiềng	271	2.561,30		15.000	8

**Phụ lục số 04: Giải trình đối với các bản chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp  
và các bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn**

<b>T T</b>	<b>Tên bản</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Nội dung giải trình</b>
1	Bản Chiềng	271	2.561	Là bản đặc biệt khó khăn; Không có bản liên kề thuận lợi để thực hiện sắp xếp; sau khi nhập nguyên trạng 02 bản để thành lập bản Chiềng (mới) địa bàn trải rộng (diện tích 2.561,3 ha); nếu tiếp tục sắp xếp sẽ ảnh hưởng đến việc tự quản và của các bản; ảnh hưởng khả năng thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở các bản.
2	Bản Yên	143	2.300	Là bản đặc biệt khó khăn; Địa hình đồi núi, nhiều khe, suối chia cắt với bản Mìn (bản liền kề), khoảng cách so với bản Mìn là 8 km; Là bản biên giới có đường biên tiếp giáp với nước CHDCND Lào; trên địa bàn bản có Đồn Biên phòng Mường Mìn; có vị trí quan trọng về đảm bảo an ninh, quốc phòng.
3	Bản Bôn	120	1.262	Là bản đặc biệt khó khăn; Địa hình đồi núi, chia cắt với bản Luộc Lầu bởi sông Luông; khoảng cách so với bản liền kề là 3,8 km; Là bản có lịch sử hình thành từ lâu đời, nằm biệt lập so với các bản khác; chia cắt với trung tâm xã bởi Sông Luông.
4	Bản Mìn	121	2.875	Là bản đặc biệt khó khăn; Địa bàn dân cư của bản trải rộng trên 03 cụm dân cư; Hiện nay xã đang thực hiện bố trí dân cư tại Khu tái định cư Pọm Dụng liền kề với bản Mìn (theo quyết định của dự án dự kiến bố trí 81 hộ dân); Sau khi bố trí dân cư tại khu Pọm Dụng sẽ ghép vào bản Mìn. Hiện trạng 03 cụm dân cư của bản Mìn nằm tách biệt, trong đó có 02 khu dân cư phải qua suối, thường ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ.

**Phụ lục số 05: Giải trình đối với các bản bản mới có diện tích tự nhiên lớn 1.000 ha**

<b>TT</b>	<b>Bản</b>	<b>Xã</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Nội dung giải trình</b>
1	Bản Chiềng	Xã Mường Mìn	2.561	Sau sắp xếp Bản Chiềng có diện tích 2.561,30 ha, trong đó khu dân cư thực tế khoảng 50 ha, còn lại là đất sản xuất và đất rừng/lâm nghiệp. Quy mô trên 1.000 ha là phù hợp do đặc thù xã miền núi, diện tích đất rừng và đất sản xuất lớn, dân cư phân bố tập trung theo cụm. Các khu dân cư có điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, sinh hoạt cộng đồng tương đồng; giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt về mùa mưa lũ.
2	Bản Yên	Xã Mường Mìn	2.300	Do địa hình chủ yếu là đồi núi thuộc xã miền núi; Bản Yên có diện tích tự nhiên là 2.300,72 ha, trong đó khu dân cư thực tế khoảng 32 ha, còn lại là đất sản xuất và đất rừng/lâm nghiệp. Quy mô trên 1.000 ha là phù hợp do đặc thù xã miền núi, diện tích đất rừng và đất sản xuất lớn, dân cư phân bố tập trung theo cụm. Các khu dân cư có điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, sinh hoạt cộng đồng tương đồng; giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt về mùa mưa lũ.
3	Bản Bơn	Xã Mường Mìn	1.262	Bản Bơn có diện tích tự nhiên là 1.262,99 ha, trong đó khu dân cư thực tế khoảng 22 ha, còn lại là đất sản xuất và đất rừng/lâm nghiệp. Quy mô trên 1.000 ha là phù hợp do đặc thù xã miền núi, diện tích đất rừng và đất sản xuất lớn, dân cư phân bố tập trung theo cụm. Các khu dân cư có điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, sinh hoạt cộng đồng tương đồng; giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt về mùa mưa lũ.
4	Bản Mìn	Xã Mường Mìn	2.875	Bản Mìn có diện tích tự nhiên là 2.875,30 ha, trong đó khu dân cư thực tế khoảng 30 ha, còn lại là đất sản xuất và đất rừng/lâm nghiệp. Quy mô trên 1.000 ha là phù hợp do đặc thù xã miền núi, diện tích đất rừng và đất sản xuất lớn, dân cư phân bố tập trung theo cụm. Các khu dân cư có điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, sinh hoạt cộng đồng tương đồng; giao thông kết nối thuận lợi, không bị chia cắt về mùa mưa lũ.